

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HS-ST

Ngày 17 - 11 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hoàn;

Ông Nguyễn Văn Duyên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Lê - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/11/2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai án hình sự thụ lý số: 34/2023/TLST-HS, ngày 27/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HS ngày 02/11/2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1994; HKTT: Thôn T, xã V, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh; Chỗ ở: Khu K, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973;

Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Không.

Tiền án: có 01 tiền án.

Bản án số 06/HSPT ngày 21/01/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử phạt C 07 năm 6 tháng tù về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ra trại ngày 24/4/2021.

Nhân thân: Ngày 20/7/2015, Công an thành phố Bắc Ninh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 143 về hành vi "Trộm cắp tài sản", hình thức phạt tiền

1.500.000 đồng. C đã chấp hành hình phạt ngày 20/10/2015 theo Biên lai số 0020233.

Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh (Có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; HKTT: thôn T, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Khu L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960;

Chồng là: Nguyễn Văn C, sinh năm 1987; Con: có 04 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ 23/8/2023 đến ngày 31/8/2023, được áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

- Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1989, HKTT: Xóm 6, xã S, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi ở: Khu K, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Dương Văn Đ, sinh năm 2001; HKTT: Xóm D, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ở: Khu L, phường W, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6 năm 2023, Nguyễn Văn C thuê trọ tại nhà ông Ngô Minh H, sinh năm 1971 ở khu K, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 16/8/2023, C phát hiện thấy anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1989. HKTT: Thôn 3, xã S, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: Khu K, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (là cai xây dựng thuê trọ tại nhà ông H) có để nhờ trong sân nhà ông H 75 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt còn mới chưa qua sử dụng, mỗi thùng nặng 19 kg. C quan sát thấy không có người trông giữ tài sản nên đã nảy sinh ý định trộm cắp số tài sản trên. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 16/8/2023, C dắt xe mô tô nhãn hiệu NaDa BKS: 99H5-5747 đến gần chỗ để các thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt còn mới chưa qua sử dụng, C dùng 2 tay bê 08 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt để lên gác ba ga giữa xe rồi điều khiển xe đi đến cửa hàng thu mua sắt vụn của Nguyễn Thị H, sinh năm 1988. HKTT: thôn T, xã X, huyện S, thành

phố Hà Nội, hiện đang ở tại khu L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. C hỏi H: "Chị có mua sắt không?", H bảo có và trả giá là 8.000 đồng/1 kg. Sau đó, C bê 8 thùng carton trên vào trong cửa hàng, C và H cân được tổng trọng lượng là 152 kg, H trả C là 1.216.000 đồng, số tiền trên C đã ăn tiêu hết.

Lần thứ hai: Khoảng 6 giờ 20 phút ngày 17/8/2023 với hành vi và thủ đoạn như trên, C đã lấy 07 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt rồi cho lên xe mô tô, sau đó chở đến cửa hàng thu mua sắt vụn và bán cho H 133 kg với giá 8.000 đồng /1kg, tổng số tiền H trả C là 1.064.000đ, số tiền trên C đã ăn tiêu hết.

Lần thứ ba: Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 18/8/2023, C tiếp tục lấy 07 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt rồi cho lên xe mô tô, sau đó chở đến cửa hàng thu mua sắt vụn bán cho H 133 kg với giá 8.000 đồng/1kg, tổng số tiền H trả C là 1.064.000đ, số tiền trên C đã ăn tiêu hết.

Ngày 19/8/2023, H đã bán cho 1 người đàn ông không quen biết 22 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt có trọng lượng 418 kg với giá 8.700 đồng/1 kg được số tiền 3.636.600 đồng, H hưởng lợi 290.000 đồng, số tiền trên H đã ăn tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 4: Khoảng 8 giờ ngày 21/8/2023, với hành vi và thủ đoạn như trên, C tiếp tục lấy 09 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt rồi cho lên xe mô tô, sau đó chở đến cửa hàng thu mua sắt vụn bán cho H, C và H cân được 171 kg. C bảo H để tí nữa thanh toán để C về nhà lấy thêm đem bán cho H rồi thanh toán tất cả. Sau đó, C điều khiển xe mô tô đi về sân nhà ông H lấy tiếp 09 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt cho lên xe mô tô rồi chở đến bán cho H, C và H cân được 171 kg. Sau đó, C lại về nhà ông H lấy tiếp 06 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt đem đến cửa hàng của H bán, C và H cân được 114 kg. H tính tổng số thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt C bán cho là 24 thùng với tổng trọng lượng là 456 kg, H trả C 3.648.000 đồng, số tiền trên C đã ăn tiêu hết. Cùng ngày, C đã bán chiếc mô tô nhãn hiệu NaDa BKS: 99H5-5747 cho anh Dương Văn Đ, sinh năm 2001, HKTT: Xóm D, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, chỗ ở: Khu Làng Giang, phường W, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh với giá 3.500.000 đồng. Số tiền này C đã ăn tiêu hết.

Nguyễn Thị H biết rõ số tài sản trên là do C phạm tội mà có nhưng do ham rẻ nên H đồng ý mua với giá 8.000 đồng/1 kg. H đã mua tổng 46 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt có tổng trọng lượng 874 kg và đã trả C tổng số tiền là 6.992.000 đồng.

Ngày 21/8/2023, anh Nguyễn Đức L phát hiện bị mất tài sản nên đã trình báo Công an phường N, thành phố B.

Ngày 22/8/2023 Công an phường N, thành phố B triệu tập C đến làm việc đồng thời đã thu giữ tại nhà Nguyễn Thị H: 24 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt còn mới chưa qua sử dụng có trọng lượng 456 kg.

Ngày 24/8/2023 Cơ quan điều tra thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu NaDa BKS: 99H5-5747 do anh Dương Văn Đ giao nộp.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 226/KL-HĐĐGTS ngày 23/8/2023 của UBND thành phố B kết luận:

“08 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt còn mới chưa qua sử dụng có tổng trọng lượng 152 kg, đơn giá 18.900 đồng/1 kg = 2.872.000 đồng.

07 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt còn mới chưa qua sử dụng có tổng trọng lượng 133 kg, đơn giá 18.900 đồng/1 kg = 2.513.000 đồng.

07 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt còn mới chưa qua sử dụng có tổng trọng lượng 133 kg, đơn giá 18.900 đồng/1 kg = 2.513.000 đồng.

24 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt còn mới chưa qua sử dụng có tổng trọng lượng 456 kg, đơn giá 18.900 đồng/1 kg = 8.618.400 đồng.

Tổng trị giá tài sản là: 16.518.600 đồng”.

*Xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ngày 25/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho anh Nguyễn Đức L 24 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt có trọng lượng 456 kg, còn đối với 22 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt có trọng lượng 418 kg hiện chưa thu hồi được nhưng anh L không yêu cầu C bồi thường dân sự.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu NaDa BKS: 99H5-5747 quá trình điều tra xác định chủ sở hữu xe của chị Nguyễn Thị Tam, sinh năm 1974. HKTT: Khu Hà Liễu, phường W, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, năm 2022 chị Tam đã bán xe trên cho anh Tạ Xuân Huệ, sinh năm 1982, HKTT: Khu K, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Tháng 7/2023 anh Huệ đã bán chiếc xe trên cho C. Sau khi phạm tội ngày 21/8/2023 C đã bán chiếc xe trên cho anh Dương Văn Đ. Anh Đ yêu cầu C phải bồi thường anh số tiền 3.500.000 đồng. Chiếc xe trên là phương tiện công cụ C dùng vào việc phạm tội nên chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố B để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với các tình tiết nêu trên tại Bản Cáo trạng số 221/CT - VKSTPBN ngày 27/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố các bị cáo ra trước Tòa án nhân dân thành phố B để xét xử về các tội cụ thể như sau:

- Truy tố bị cáo Nguyễn Văn C ra trước Tòa án nhân dân thành phố B để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

- Truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B thực hành quyền công tố giữ nguyên bản cáo trạng số 221/CT - VKSTPBN ngày 27/10/2023 của Viện Kiểm sát

nhân dân thành phố B và sau khi cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, cũng như nhân thân của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 47; Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo: Nguyễn Văn C từ 20 đến 26 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 6.992.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s, điểm t Khoản 1, khoản 2 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Tuyên phạt bị cáo: Nguyễn Thị H Từ 12 đến 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng.

Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 292.200 đồng tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu NaDa BKS: 99H5-5747.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải trả cho anh Dương Văn Đ số tiền 3.500.000 đồng.

Các bị cáo không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, nhận định của Tòa án như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Đã thực hiện đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp thời gian, không gian và địa điểm mà các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cùng vật chứng thu giữ được; Căn cứ lời khai

nhận của các bị cáo, vật chứng thu hồi được và căn cứ kết luận giám định đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 16/8/2023 đến ngày 21/8/2023 tại nhà ông Ngô Minh H, sinh năm 1971 ở khu K, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, Nguyễn Văn C (thuê trọ tại nhà ông H) có hành vi lén lút 04 lần trộm cắp tổng số 46 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt còn mới chưa qua sử dụng có trọng lượng 874 kg trị giá 16.518.600 đồng của anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1989. HKTT: Thôn 3, xã S, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: Khu K, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (là cai xây dựng thuê trọ nhà ông H). Những lần trộm cắp C đều mang tài sản đến bán cho Nguyễn Thị H được số tiền là 6.992.000 đồng.

- Lần thứ nhất: khoảng 6 giờ 30 phút ngày 16/8/2023, C trộm cắp 08 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt còn mới chưa qua sử dụng có tổng trọng lượng 152 kg, sau đó C đem bán cho H được 1.216.000 đồng.

- Lần thứ hai: khoảng 6 giờ 20 phút ngày 17/8/2023, C trộm cắp 07 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt còn mới chưa qua sử dụng có tổng trọng lượng 133 kg, sau đó C đem bán cho H được 1.064.000 đồng.

- Lần thứ ba: khoảng 6 giờ 30 phút ngày 18/8/2023, C trộm cắp 07 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt còn mới chưa qua sử dụng có tổng trọng lượng 133 kg, sau đó C đem bán cho H được 1.064.000 đồng.

- Lần thứ tư: khoảng 8 giờ ngày 21/8/2023, C trộm cắp 24 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt còn mới chưa qua sử dụng có tổng trọng lượng 456 kg, sau đó C đem bán cho H được 3.648.000 đồng.

Nguyễn Thị H biết rõ số tài sản trên là do C phạm tội mà có nhưng do ham rẻ nên vẫn đồng ý mua. H đã mua tổng số 46 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt còn mới chưa qua sử dụng có tổng trọng lượng 874 kg với giá 6.992.000 đồng. Sau đó, H đã bán cho một người không quen biết 22 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt có trọng lượng 418 kg được số tiền 3.636.600 đồng, được hưởng lợi 292.200 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản C chiếm đoạt là 16.518.600 đồng và tổng giá trị tài sản H tiêu thụ là 16.518.600 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn C đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của bị cáo: Nguyễn Thị H đã xâm phạm đến trật tự chung, trật tự pháp luật của Nhà nước. các bị cáo đều là

người đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo biết rõ tác hại và sự nguy hiểm về hành vi của bản thân, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà mình đã thực hiện; Cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục riêng đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung.

Xét tính chất của vụ án: Đây là vụ án có 02 bị cáo. Mỗi bị cáo phạm một tội riêng.

Xét về nhân thân của các bị cáo thấy: Bị cáo Nguyễn Văn C là người có nhân thân xấu; Bị cáo Nguyễn Thị H là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị H đều 04 lần thực hiện hành vi phạm tội, các lần phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo C có 01 tiền án chưa được xóa án, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm; Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Sau khi phạm tội, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo H đã tích cực hợp tác với Cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm, bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính và có ông Ngoại của bị cáo là người có công với Cách mạng, là liệt sỹ; Ông nội của chồng bị cáo là liệt sỹ, chồng của bị cáo là người thờ cúng, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Từ những phân tích trên, xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo Nguyễn Văn C ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo giáo dục bị cáo này thành người có ích cho xã hội.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thị H là lao động chính trong gia đình, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho các bị cáo này được cải tạo tại địa phương cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H, sau khi mua 46 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt do C bán cho, H đã bán cho một người không quen biết 22 thùng có trọng lượng 418 kg thu lợi bất chính số tiền 292.200 đồng cần buộc bị cáo phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn C, sau khi trộm cắp được 874 kg dây thép li buộc sắt, bị cáo đem bán cho Nguyễn Thị H được tổng số tiền là 6.992.000 đồng, cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn C 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu NaDa BKS: 99H5-5747; Chiếc xe này bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của anh Nguyễn Đức L là 46 thùng carton bên trong chứa dây thép li buộc sắt có trọng lượng là 874 kg; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi được 24 thùng có trọng lượng là 456kg và đã trả lại cho anh L. Còn 22 thùng có trọng lượng là 418kg có trị giá là 7.900.200 đồng không thu hồi được; Nhưng anh L không yêu cầu bị cáo C phải trả lại cho anh số tiền này, nên vấn đề trách nhiệm bồi thường dân sự giữa bị cáo đối với anh L không đặt ra xem xét giải quyết và cần ghi nhận sự tự nguyện này của anh L.

Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu NaDa BKS: 99H5-5747 bị cáo C đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, sau đó bị cáo C đã bán chiếc xe này cho anh Dương Văn Đ với giá 3.500.000 đồng; sau đó anh Đ đã giao nộp chiếc xe này cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Anh Đ yêu cầu bị cáo C phải trả lại cho anh Đ số tiền mua xe nêu trên; Do chiếc xe mô tô này là công cụ, phương tiện mà bị cáo C sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, nên bị tịch thu sung quỹ Nhà nước, do vậy cần buộc bị cáo phải trả lại cho anh Đ số tiền này.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với động cơ trục lợi; nhưng các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với người đàn ông đã mua 22 thùng carton bên trong đựng dây thép li có trọng lượng 418 kg của H. H không biết tên tuổi của người này. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B chưa thu giữ được số tài sản cũng như chưa điều tra làm rõ được, khi nào điều tra làm rõ sẽ xử lý sau.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, bị cáo C phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về thu nộp án phí, lệ phí.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn C 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/8/2023.

Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 6.992.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giam bị cáo Nguyễn Văn C 45 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/11/2023 để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s, điểm t Khoản 1, khoản 2 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị H 16 (Mười sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 32 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 292.200 đồng tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước. Nhưng được đối trừ số tiền 290.000 đồng bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000402 ngày 27/10/2023 và 2.200 đồng tại biên lai thu tiền số 0000407 ngày 16/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B (Xác nhận bị cáo đã nộp đủ).

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho UBND xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu NaDa BKS: 99H5-5747; số khung: 064AV001591, số máy: 52FMH-35L101591, xe không gương đã cũ Chiếc xe mô tô số đăng ký 0031450 mang tên Nguyễn Thị Tam.

(Theo biên bản giao nhận tài sản vật chứng ngày 27/10/2023).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải trả cho anh Dương Văn Đ số tiền 3.500.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án chậm trả thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST. Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị H đã nộp đủ 200.000 đồng án phí tại biên lai thu tiền số 0000407 ngày 16/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND thành phố Bắc Ninh.
- Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.
- Công an TP Bắc Ninh.
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Hoan

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Hoàn

Nguyễn Văn Duyên

Vũ Văn Hoan

